

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 314/2018/DS-PT.

Ngày 09/11/2018.

V/v “tranh chấp QSDĐ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng.

Ông Trần Phước Hội.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Bùi Văn Thân -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 30/8, 18/10, 09/11/2018 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2015/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2015 về tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 42/2015/DS-ST ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 157/2018/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ngô Hoàng N, sinh năm 1950.

Nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Ngô Hoàng N bị bệnh tâm thần)

Người đại diện theo pháp luật của ông Ngô Hoàng N là Ngô Thị Diễm N, sinh năm 1992 (con ruột của ông Ngô Hoàng N);

Nơi cư trú: Khóm 2, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngô Thị Diễm N là: Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1956 (theo văn bản ủy quyền ngày 27/7/2015).

Nơi cư trú: Khóm 2, Phường An Thạnh, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp

2. Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1956.

Nơi cư trú: khóm 2, phường An Thạnh, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Bé T là Luật sư Nguyễn Văn X – Trung tâm Tư vấn pháp luật quận P - Hội Luật gia quận P.

- Bị đơn:

1. Lê Thanh H, sinh năm 1946.

2. Ngô Thị L, sinh năm 1956.

Cùng cư trú: khóm T, phường L, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Ngô Thị L là ông Lê Thanh H, sinh năm 1946 (theo văn bản ủy quyền ngày 16/9/2014).

Nơi cư trú : khóm T, Phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngô Thị Diễm N, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: khóm 2, phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp

Người đại diện theo ủy quyền của chị Ngô Thị Diễm N là bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1956 (theo văn bản ủy quyền ngày 27/7/2015).

Nơi cư trú : khóm 2, Phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp

2. Lê Thanh H, sinh năm 1987.

3. Trần Thị T, sinh năm 1987.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị T là anh Lê Thanh H (theo văn bản ủy quyền ngày 30/9/2015)

Cùng cư trú: khóm T, phường A, thị xã H - Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị Bé T là nguyên đơn; Huỳnh Thị Diễm N là người đại diện theo pháp luật của ông Ngô Hoàng N; Ông Lê Thanh H và bà Ngô Thị L là bị đơn của vụ án .

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn Nguyễn Thị Bé T- đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Ngô Thị Diễm N trình bày:

Vào năm 1980, bà và ông Ngô Hoàng N cưới nhau thì được cha chồng là ông Ngô Văn C cho diện tích đất ruộng 8.777m² (diện tích đo thực tế 8.308m²), đất tọa lạc tại ấp H, xã B, huyện H. Đến năm 1985-1986 số đất của vợ chồng bà được cho bị nhà nước cất xam canh. Đến năm 1988 -1989, vợ chồng bà L đơn gởi Ủy ban nhân dân xã B yêu cầu xin lại đất và được xã giải quyết trả lại đất cho vợ chồng bà. Năm 1993 vợ chồng bà đi đăng ký quyền sử dụng phần đất được cho, đến năm 1994 được cấp giấy quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà. Vợ chồng bà canh tác đến năm 1996, do nuôi cá bị lỗ, vợ chồng bà bán hết bè cá đang nuôi để trả nợ nên không có chỗ ở, đồng thời lúc này chồng bà bị bệnh tâm thần nên bà đưa chồng bà về ở nhà cha chồng để chăm sóc dùm và giao số đất của vợ chồng cùng giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất cho cha chồng bà để cho người khác thuê lấy tiền nuôi chồng bà, khi nào con bà trưởng thành thì lấy đất lại(việc thỏa thuận bằng miệng không có giấy tờ và cũng không ai biết), Sau đó cha chồng bà cho vợ chồng bà Ngô Thị L và ông Lê Thanh H thuê đất canh tác. Tháng 3 năm 2002 bà L đơn xin ly hôn với ông N và được Tòa án nhân dân huyện H giải quyết(bản án số: 01/ DSST, ngày 26/3/2002), nội dung bản án không đề cập đến vấn đề tài sản chung của vợ chồng vì lúc đó vợ chồng thỏa thuận phần đất để lại cho con sử dụng (việc thỏa thuận không có giấy tờ và cũng không ai biết). Đến tháng 5 năm 2013, khi cha chồng bà hấp hối có kêu mẹ con bà về và kêu bà Ngô Thị L trả lại đất cho mẹ con bà nhưng bà L không đồng ý vì

cho rằng đất của bà sang nhượng của ông N, nhưng thực tế đất này ông N không có sang nhượng cho vợ chồng bà L, ông H. Nay bà cùng với Ngô Thị Diễm N là người đại diện theo pháp luật của ông Ngô Hoàng N khởi kiện yêu cầu ông Lê Thanh H và bà Ngô Thị L, Lê Thanh H, Trần Thị T trả lại diện tích 8.308 m² vì đây là tài sản chung của bà và ông Hoàng N.

* Bị đơn ông Lê Thanh H- đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ngô Thị L trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha vợ ông là Ngô Văn C, năm 1976 ông C cho ông Nguyễn Văn N1 thuê canh tác đến hết năm 1991 ông N1 trả lại đất, năm 1992 ông C cho anh ông là Ngô Hoàng N canh tác, ông N canh tác và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1994 diện tích 8.777m². Cuối năm 1993, ông N cầm sổ đất trên cho ông Đặng Văn T giá 10 chỉ vàng 24 kara 9T8, thời hạn có đến hết năm 1995. Nhưng trong năm 1994, ông N lại kêu ông N sang nhượng, ông N không sang nhượng, nên ông N mới thỏa thuận sang nhượng cho vợ chồng ông diện tích 06 công tầm cắt với số vàng 18 chỉ vàng 24kara 9T8, việc sang nhượng có làm giấy tay ngày 29/10/1994 (giấy sang nhượng này do ông Ngô Hoàng N trực tiếp viết), lúc đó có ông Ngô Văn C và các anh em ông N là Ngô Văn D, Ngô Thị H, Ngô Thị P chứng kiến, đến cuối năm 1995 ông và ông Ngô Hoàng N cùng đến gặp ông T để chuộc đất lại và nhờ bà Huỳnh Thị T (nay đã chết) viết giấy sang nhượng đất vĩnh viễn ngày 4-9-95, trong giấy này có ông Ngô Văn C, Nguyễn Văn C và Đỗ Văn T chứng kiến và C, ông C có ký tên trong giấy sang nhượng đất, ông Hoàng N đã nhận đủ vàng sang nhượng, vợ chồng ông đã nhận đất và canh tác từ đó cho đến nay. Sau đó ông Ngô Hoàng N đi làm ăn bên Thái Lan cho đến năm 2000 trở về thì bị bệnh tâm thần luôn nên không làm thủ tục sang tên cho vợ chồng ông được. Nay vợ chồng ông không thống nhất trả lại diện tích đất 8.308m² theo yêu cầu của ông Ngô Hoàng N (người đại diện hợp pháp là Ngô Thị Diễm N) và Nguyễn Thị Bé T vì đất này vợ chồng ông sang nhượng của ông Ngô Hoàng N và sử dụng từ đó đến nay. Ông, bà yêu cầu ông Ngô Hoàng N (người đại diện hợp pháp của ông Ngô Hoàng N là Ngô Thị Diễm N) và bà Nguyễn Thị Bé T tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Phần đất tranh chấp hiện vợ chồng ông cùng với con ông là Lê Thanh H và Trần Thị T đang canh tác.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thanh H- đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị T trình bày:

Anh là con ruột của ông Lê Thanh H và bà Ngô Thị L, Trần Thị T là vợ của anh, phần đất tranh chấp giữa cha, mẹ anh với bà Bé T và ông Hoàng N hiện vợ chồng anh đang cùng canh tác với cha, mẹ anh, phần đất này là do cha, mẹ anh sang nhượng của ông Hoàng N nên quyền quyết định đối với phần đất này là của cha, mẹ anh, vợ chồng anh không có ý kiến gì.

* Tại quyết định bản án sơ thẩm số 42/2015/DS-ST, ngày 08/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện H đã tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T và ông Ngô Hoàng N (người đại diện hợp pháp là chị Ngô Thị Diễm N).

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Lê Thanh H và bà Ngô Thị L về việc yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

- Tuyên bố hợp đồng sang nhượng đất ngày 29/10/1994 và hợp đồng sang nhượng đất ngày 4/9/1995 giữa ông Ngô Hoàng N với ông Lê Thanh H và bà Ngô Thị L vô hiệu.

- Hủy hợp đồng sang nhượng đất ngày 29/10/1994 và hợp đồng sang nhượng đất ngày 4/9/1995 giữa Ngô Hoàng N với Lê Thanh H và Ngô Thị L.

- Buộc ông Lê Thanh H, bà Ngô Thị L, Lê Thanh H và Trần Thị T trả lại cho bà Nguyễn Thị Bé T và ông Ngô Hoàng N (người đại diện hợp pháp là Ngô Thị Diễm N) diện tích đất 8.308m² thuộc thửa 741, tờ bản đồ số 2, do ông Ngô Hoàng N đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 20/6/1994, đất tọa lạc tại ấp H, xã B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, vị trí:

- + Hướng Đông giáp đất Đỗ Bảo Toàn
- + Hướng Tây giáp đất Ngô Thị L
- + Hướng N giáp đường nước
- + Hướng Bắc giáp đất Ngô Thị L

(Có bản đồ trích đo ngày 16/4/2015 kèm theo)

- Buộc bà Nguyễn Thị Bé T và ông Ngô Hoàng N (người đại diện hợp pháp là Ngô Thị Diễm N) liên đới trả lại cho ông Lê Thanh H và bà Ngô Thị L 18 chỉ vàng 24 kara 9T8 và bồi thường thêm số tiền 200.570.000đ, tổng cộng là 18 chỉ vàng 24 kara 9T8 và 200.570.000đ.

Kể từ khi ông Lê Thanh H và bà Ngô Thị L có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Nguyễn Thị Bé T và ông Ngô Hoàng N (người đại diện hợp pháp là Ngô Thị Diễm N) chưa thi hành số tiền và vàng trên thì còn phải tiếp tục chịu lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố (đối với tiền) và lãi suất vàng bình quân của các tổ chức tín dụng tại địa phương đã có quy định (đối với vàng) tương ứng với thời gian chậm thi hành án đến khi thi hành án xong.

- Bà Nguyễn Thị Bé T và ông Ngô Hoàng N (người đại diện hợp pháp là Ngô Thị Diễm N) có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Lê Thanh H và bà Ngô Thị L chi phí giám định là 3.000.000đ.

- Bà Nguyễn Thị Bé T và ông Ngô Hoàng N (người đại diện hợp pháp là Ngô Thị Diễm N) phải chịu chi phí thẩm định và chi phí định giá là 1.907.500đ (đã nộp xong).

- Ông Lê Thanh H và bà Ngô Thị L có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà Nguyễn Thị Bé T và ông Ngô Hoàng N (người đại diện hợp pháp là Ngô Thị Diễm N) chi phí thẩm định và chi phí định giá là 1.907.500đ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Bé T và ông Ngô Hoàng N (người đại diện hợp pháp là chị Ngô Thị Diễm N) phải liên đới nộp 6.409.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm , nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Nguyễn Thị Bé T và chị Ngô Thị Diễm N đã nộp là 6.000.000đ theo các biên lai thu tiền số 020890, 020891 ngày 25/8/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, bà Nguyễn Thị Bé

T và ông Ngô Hoàng N(người đại diện hợp pháp là Ngô Thị Diễm N) còn phải liên đới nộp tiếp 409.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bị đơn Lê Thanh H và bà Ngô Thị L phải liên đới nộp 5.114.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Lê Thanh H đã nộp là 5.777.000đ theo biên lai thu tiền số 021435 ngày 18/8/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, ông Lê Thanh H và bà Ngô Thị L được nhận lại số tiền chênh lệch là 663.000đ.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thị Diễm N, Lê Thanh Hảo, Trần Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/10/2015, bà Nguyễn Thị Bé T và chị Ngô Thị Diễm N có đơn kháng cáo yêu cầu phía ông Lê Thanh H và bà Ngô Thị L phải trả lại diện tích đất 8.308m² thuộc thửa 741 mà không đồng ý trả cho ông H, bà L số vàng chuyển nhượng 18 chỉ vàng 24 kara 9T8 và tiền bồi thường thiệt hại là 200.570.000đ.

Ngày 22/10/2015, ông Lê Thanh H và bà Ngô Thị L có đơn kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu phía bà T và chị N phải có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng phần đất nói trên vì cho rằng ông bà đã nhận chuyển nhượng từ ông N, là chồng bà T, là cha chị N một cách hợp lệ, đã trả đủ vàng chuyển nhượng và nhận đất sử dụng đến nay ổn định.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến đề nghị hủy bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng trong thu thập chứng cứ.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất đang có tranh chấp trước đây là của cha ông Ngô Hoàng N cho vợ chồng ông N, bà T và được Ủy ban nhân dân huyện H cấp quyền sử dụng vào cho hộ ông N, bà T năm 1994. Vào ngày 29/10/1994, ông N làm giấy tay sang nhượng và giao toàn bộ phần đất này cho vợ chồng ông H, bà L sử dụng cho đến nay.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất phần đất tranh chấp giữa ông N với ông H, bà L là giao dịch dân sự vô hiệu, đồng thời giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo đó tuyên buộc phía ông H, bà L phải trả lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp cho phía bà T; phía bà T phải trả lại số vàng chuyển nhượng cho ông H, bà L là 18 chỉ vàng 24 kara 9T8 và có xác định thiệt hại thuộc về cả hai bên phải chịu, thì phía bà T phải bồi thường thiệt hại cho phía ông H, bà L ½ thiệt hại bằng số tiền 200.570.000đ.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: phần đất tranh chấp đang được phía ông H, bà L quản lý, sử dụng, thì dù giải quyết theo hướng buộc phía ông H, bà L phải giao trả lại đất cho phía bà T, chị N hay công nhận hợp đồng chuyển nhượng và giao

phần đất này cho ông H, bà L được tiếp tục sử dụng thì cũng đều phải xác định cụ thể, chính xác diện tích, kích thước, hiện trạng và mốc giới của phần đất này để buộc giao trả đất cho nguyên đơn hoặc công nhận cho bị đơn được tiếp tục sử dụng đất mới đảm bảo tính khả thi, trong khi việc xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa đầy đủ vì không xác định được mốc giới cụ thể, không có sơ đồ mốc, mốc gửi cụ thể nên không có khả năng thi hành án; ngoài ra, tại cấp phúc thẩm, các đương sự đều trình bày rằng hiện tại so với thời điểm mà Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết thì phần đất tranh chấp đã bị thay đổi rất nhiều về hiện trạng do việc sử dụng đất của phía bị đơn và cả về diện tích do bị sạt lở; Tòa án cấp phúc thẩm đã ủy thác cho Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, thẩm định lại phần đất tranh chấp để khắc phục những thiếu sót, những điều kiện khách quan nói trên, nhưng căn cứ vào Biên bản về việc không thể tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ được ngày 08/11/2018, Công văn số 269/CV-TA ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hiền xác định rằng phần đất tranh chấp hiện tại có sự thay đổi, do bị sạt lở nghiêm trọng nhưng hiện tại không thể tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ được do điều kiện tự nhiên, khách quan.

Như vậy, có căn cứ xác định rằng nội dung quyết định của bản án sơ thẩm về vị trí, kích thước, diện tích của phần đất tranh chấp đã không còn phù hợp với hiện trạng thực tế hiện tại, không có khả năng thi hành án, mà Tòa án cấp phúc thẩm cũng không thể khắc phục, bổ sung được. Do đó, Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm với lý do khách quan, không do lỗi của Thẩm phán và giao toàn bộ hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung. Và vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo của các đương sự.

[2] Xét thấy, tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; về nội dung vẫn giữ đề nghị hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm, xét lời đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, cho rằng thời điểm làm tờ sang nhượng đất thì ông N đang bị bệnh tâm thần, hơn nữa, mối quan hệ giữa ông N và bà L là anh em ruột, do đó, có cơ sở khẳng định tờ sang nhượng đất đó là không có thật, nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: do hủy bản án sơ thẩm như nhận định trên nên chưa xem xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn.

[4] Do hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm; đối với nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng sẽ được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 148 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 674, 675, 676, 733 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 167,169; Luật đất đai năm 2003; Pháp lệnh số 10/2009 ngày 27/02/2009 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của UBTUQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Hủy bản án sơ thẩm số 42/2015/DS-ST ngày 08/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện H. Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện H giải quyết lại vụ án theo thủ sơ thẩm.

2. Về án phí phúc thẩm:

- Bà T không phải chịu và được nhận lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 021508 ngày 20/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Chị N không phải chịu và được nhận lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 021507 ngày 20/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Ông H không phải chịu và được nhận lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 021514 ngày 22/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Bà L không phải chịu và được nhận lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 021515 ngày 22/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

4. Án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng sẽ được xác định lại khi giải quyết lại sơ thẩm vụ án.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng GD&KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy